

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2022/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 207/TTr-SXD ngày 26/12/2022 và Báo cáo thẩm định số 91/BC-STP ngày 17/5/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2023 và thay thế Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh “V/v ban hành quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc thực hiện các quy định của Quyết định này.

Điều 4. : Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Cao Tường Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, gồm: Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, giá gói thầu xây dựng, chỉ số giá xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

2. Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn khác không thuộc Khoản 1 Điều này vận dụng, áp dụng các quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

Chương II

SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Điều 4. Sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng

Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 11/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Điều 5. Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng

Nội dung dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng; thẩm định, thẩm tra

và phê duyệt dự toán xây dựng công trình; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình; giá gói thầu xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Chương III

ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG, GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 6. Định mức xây dựng

1. Hệ thống định mức xây dựng thực hiện theo Điều 20, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phương pháp xác định định mức dự toán mới, điều chỉnh định mức dự toán để áp dụng cho công trình thực hiện theo Điều 21 và Phụ lục III, Thông tư số 13/2021/TT-BXD, trong đó:

a. Tổ chức, cá nhân lập dự toán xây dựng có trách nhiệm lập danh mục các định mức dự toán mới, định mức dự toán cần điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình và tổ chức xác định các hao phí định mức phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công dự kiến để phục vụ việc lập đơn giá, xác định dự toán xây dựng; Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc sử dụng các định mức dự toán điều chỉnh, định mức dự toán mới cho công trình làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng.

b. Trong quá trình thi công xây dựng, chủ đầu tư tổ chức khảo sát để xác định các định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh quy định tại mục a, khoản 2 điều này như sau:

- Tổ chức chuẩn xác lại các nội dung của định mức (gồm quy định áp dụng, thành phần công việc, thành phần hao phí, đơn vị tính, trị số định mức) trên cơ sở khảo sát, thu thập số liệu từ quá trình thi công thực tế;

- Kết quả xác định định mức gửi về Sở Xây dựng để phục vụ rà soát, tổng hợp gửi Bộ Xây dựng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 28 Nghị định 10/2021/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng phối hợp, cung cấp các thông tin cần thiết trong việc tổ chức khảo sát để xác định các định mức điều chỉnh, định mức mới trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

3. Rà soát, cập nhật hệ thống định mức xây dựng thực hiện theo Điều 22, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, trong đó:

a. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, hoặc thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động, hành nghề theo quy định tại Điều 72, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP để rà soát, xác định các định mức điều chỉnh, định mức đặc thù trên địa bàn tỉnh xin ý kiến của Bộ Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định; đồng thời gửi về Bộ Xây dựng sau khi UBND tỉnh ban hành để Bộ Xây dựng tổng hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

b. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật định kỳ 03 năm một lần (hoặc sớm hơn khi cần thiết) kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Hệ thống định mức xây dựng.

4. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cùng các sở, ban, ngành và địa phương, các Chủ đầu tư tổng hợp kết quả xây dựng định mức được quy định tại khoản 2, 3 điều này gửi về Bộ Xây dựng (đối với các định mức dự toán mới) và cơ quan ban hành định mức (đối với các định mức dự toán điều chỉnh) phục vụ việc rà soát, xem xét, quyết định cập nhật hệ thống định mức.

5. Kinh phí rà soát, cập nhật và xây dựng, điều chỉnh định mức xây dựng

a. Kinh phí rà soát, xác định các định mức điều chỉnh, định mức đặc thù trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng thực hiện gồm: kinh phí lập kế hoạch, tổ chức rà soát; khảo sát, xác định, thẩm định; cập nhật định mức mới, định mức điều chỉnh. Kinh phí này được bố trí từ nguồn ngân sách hằng năm.

b. Kinh phí cho việc xây dựng định mức mới, điều chỉnh định mức quy định tại khoản 2 điều này được tính vào chi phí đầu tư xây dựng của dự án.

Điều 7. Quản lý giá xây dựng công trình

1. Nội dung, phương pháp, quản lý giá xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV, Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập, thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức lập, thẩm định, trình UBND tỉnh công bố các bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán công bố các bộ đơn giá xây dựng công trình được bố trí từ nguồn ngân sách hằng năm.

Điều 8. Quản lý, công bố giá vật liệu xây dựng

1. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quản lý đơn giá vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8; Khoản 3 Điều 9; Phụ lục số IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD và nội dung hướng dẫn về phương pháp khảo sát, thu thập thông tin liên quan về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phục vụ công bố giá của Bộ Xây dựng.

2. Giá vật liệu được xác định đảm bảo nguyên tắc

a. Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng vật liệu, nguồn gốc xuất xứ vật liệu và phù hợp với yêu cầu sử dụng vật liệu của công trình, dự án;

b. Phù hợp với nhu cầu, kế hoạch dự kiến sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp; thời điểm lập, mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình.

c. Danh mục vật liệu xây dựng công bố được lựa chọn trên cơ sở danh mục vật liệu xây dựng có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành và danh mục vật liệu xây dựng có trên thị trường, được kinh doanh và sử dụng phổ biến trên thị trường xây dựng tại địa phương;

3. Giao Sở Xây dựng chủ trì hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức định kỳ thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng để công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng quý (trước ngày 15 tháng đầu quý sau) hoặc sớm hơn khi cần thiết và thực hiện việc công bố giá vật liệu xây dựng bổ sung cho các dự án, công trình đối với danh mục vật liệu xây dựng trong trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá định kỳ hoặc đã có nhưng đơn giá không phù hợp. Cơ sở thông tin để công bố giá từ các nguồn sau:

a. Thông tin cung cấp của tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng tại tỉnh Quảng Ninh hoặc các tỉnh thành lân cận.

b. Báo cáo tình hình giá thị trường của UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

c. Thu thập thông tin giá thị trường từ chủ đầu tư các công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh; trang thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền định giá; tạp chí về giá thị trường, giá cả vật tư, và các nguồn thông tin khác.

4. Đối với những loại vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá của Sở Xây dựng hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với thời điểm, điều kiện cụ thể của công trình; khi có nhu cầu công bố giá, đề nghị các Chủ đầu tư, đơn vị tổ chức điều tra, khảo sát giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần sử dụng cho các công trình gửi hồ sơ về Sở Xây dựng tổng hợp, công bố giá định kỳ hàng quý hoặc tháng theo từng khu vực cụ thể. Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

(i) Văn bản đề nghị công bố, kèm theo phụ lục danh mục vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đề nghị công bố; trong đó thể hiện rõ: Địa điểm, thời điểm, tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần cung ứng;

(ii) Thông tin cung cấp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình (thông báo/quyết định giá bán của 03 đơn vị).

(iii) Chứng thư thẩm định giá của tổ chức có chức năng hợp pháp và các thông tin liên quan khác.

5. Đối với vật liệu xây dựng nằm trong danh mục công bố giá theo nội dung đề nghị của các tổ chức, đơn vị là những vật liệu nhập khẩu có tính đặc thù, không phổ biến trên thị trường, Sở Xây dựng xin ý kiến của Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành trước khi công bố.

6. Chủ đầu tư căn cứ vào quy mô và địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu xây dựng. Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án. Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng.

7. Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại và được tính đến hiện trường công trình theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV, Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác để tính toán giá vật liệu xây dựng đến hiện trường công trình và chịu trách nhiệm theo quy định.

8. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán công bố giá vật liệu xây dựng tại Khoản 3 Điều này được bố trí từ nguồn ngân sách hằng năm.

Điều 9. Đơn giá nhân công xây dựng

1. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quản lý đơn giá nhân công xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 8; Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD; Phụ lục IV, Thông tư số 13/2021/TT-BXD.

2. Sở Xây dựng tổ chức thuê tư vấn có điều kiện năng lực khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân do Bộ Xây dựng công bố để xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán công bố đơn giá nhân công được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Trường hợp đơn giá nhân công xây dựng do Sở Xây dựng công bố không phù hợp với đặc thù của công tác, công trình, dự án, chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xác định đơn giá nhân công theo phương pháp quy định tại Phụ lục IV, Thông tư số 13/2021/TT-BXD để quyết định áp dụng khi xác định giá xây dựng công trình. Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc sử dụng đơn giá nhân công tại khoản này làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng.

4. Chủ đầu tư gửi hồ sơ kết quả xác định đơn giá nhân công xây dựng tại Khoản 2 Điều này về Sở Xây dựng để theo dõi, quản lý; hồ sơ kết quả xác định đơn giá nhân

công xây dựng gửi về Sở Xây dựng phải thể hiện được căn cứ, phương pháp, kết quả xác định đơn giá nhân công xây dựng, các biểu mẫu theo phương pháp quy định; hằng năm Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng.

Điều 10. Giá ca máy và thiết bị thi công

1. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quản lý đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 8; Khoản 5 Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD; Phụ lục V, Thông tư số 13/2021/TT-BXD

2. Sở Xây dựng tổ chức lập, thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố để xác định giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn; công bố theo mẫu số 3 Phụ lục VIII Thông tư số 11/2021/TT-BXD; gửi kết quả công bố về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý. Thời điểm công bố giá ca máy và thiết bị thi công theo năm là trước ngày 15 tháng một năm sau. Kinh phí cho việc khảo sát, thu thập thông tin, tính toán công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Trường hợp giá ca máy và thiết bị thi công chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình, dự án, chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xác định giá ca máy và thiết bị thi công theo phương pháp quy định tại Thông tư hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình để quyết định áp dụng khi xác định giá xây dựng công trình. Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc sử dụng đơn ca máy và thiết bị thi công xây dựng tại khoản này làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng.

4. Chủ đầu tư gửi kết quả xác định giá ca máy và thiết bị thi công tại khoản 3 Điều này về Sở Xây dựng để theo dõi, quản lý; hồ sơ kết quả xác định giá ca máy và thiết bị thi công gửi về Sở Xây dựng phải thể hiện được căn cứ, phương pháp, kết quả xác định giá ca máy và thiết bị thi công, các biểu mẫu (nếu có) theo phương pháp quy định; hằng năm Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng.

Điều 11. Chỉ số giá xây dựng

1. Nội dung, phân loại, phương pháp xác định và quản lý, công bố chỉ số giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và nội dung quy định tại Điều 10, Thông tư số 11/2021/TT-BXD và Phụ lục II, Thông tư số 13/2021/TT-BXD. Kinh phí cho việc rà soát được bố trí từ nguồn ngân sách.

2. Sở Xây dựng tổ chức xác định, thuê tư vấn có đủ năng lực thực hiện khảo sát, tính toán, xác định và công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh (gồm chỉ số giá xây dựng theo loại công trình, theo ca cấu chi phí (gồm chỉ số giá phần xây dựng, chỉ số giá phần thiết bị, chỉ số giá phần chi phí khác), yếu tố chi phí (gồm chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng, chỉ số giá máy và thiết bị thi công

xây dựng) và chỉ số giá của một số vật liệu chủ yếu) theo định kỳ hàng quý, hằng năm hoặc sớm hơn khi cần thiết; đồng thời gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý. Kinh phí cho việc khảo sát, thu thập thông tin, tính toán công bố chỉ số giá xây dựng được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Trường hợp sử dụng chỉ số giá xây dựng để điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, đối với các công trình chưa có trong danh mục chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng công bố thì chủ đầu tư tổ chức xác định chỉ số giá theo phương pháp do Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Phụ lục II, Thông tư số 13/2021/TT-BXD, gửi Bộ Xây dựng (đối với công trình xây dựng theo tuyến trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên) hoặc Sở Xây dựng (đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh) cho ý kiến về sự phù hợp của phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng, tính đúng đắn, hợp lý của việc xác định chỉ số giá.

Điều 12. Cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng

1. Việc quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng thực hiện theo Điều 28, 29 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP. Trong đó:

a. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, cung cấp các định mức dự toán đối với các công tác xây dựng đặc thù của địa phương; giá xây dựng công trình, giá vật liệu xây dựng, giá nhân công, giá máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn gửi Bộ Xây dựng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

b. Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có trách nhiệm gửi Bộ Xây dựng các thông tin, dữ liệu liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng các dự án thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức, thuê tư vấn có năng lực xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng trong lĩnh vực ngành, địa phương. Kinh phí cho việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và thu thập, tổng hợp, xử lý, cập nhật thông tin được bố trí từ nguồn ngân sách.

Điều 13. Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng

1. Chi phí quản lý dự án được xác định theo nội dung quy định tại Điều 30, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP;

2. Chi phí tư vấn xây dựng, chi phí thuê tư vấn nước ngoài được xác định theo nội dung quy định tại Điều 31, Điều 32, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

3. Quy đổi vốn đầu tư xây dựng được xác định theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm: Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá vật liệu xây dựng, giá ca máy và thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng;

b. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tính toán, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình;

c. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và công bố giá vật liệu xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công;

d. Tổ chức việc rà soát, xác định, thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực theo quy định để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở trình UBND tỉnh ban hành định mức dự toán cho các công việc đặc thù, chuyên ngành của tỉnh sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng;

e. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức, thuê tư vấn có năng lực xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng trong lĩnh vực ngành, địa phương;

f. Chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh và hướng dẫn các đơn vị liên quan về công tác xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

g. Cho ý kiến tham gia đối với việc tính toán, áp dụng định mức, đơn giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng được quy định trong quyết định này theo quy định.

2. Các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở ngành có liên quan hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý;

b. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định về các định mức xây dựng cho các công việc đặc thù trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành sở quản lý;

c. Tham gia, phối hợp với Sở Xây dựng xác định các đơn giá xây dựng chuyên ngành đặc thù trên địa bàn tỉnh; phối hợp xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính

a. Tham gia ý kiến theo nội dung quy định tại khoản 5 Điều 8 Quyết định này. Đồng thời cho ý kiến tham gia đối với Bảng giá ca máy thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng và hệ thống đơn giá xây dựng theo quy định;

b. Phối hợp với các sở quản lý xây dựng chuyên ngành hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý tại quy định này và giải quyết các vướng mắc có liên quan;

c. Hướng dẫn việc lập dự toán và bố trí nguồn vốn để thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý về: Định mức, đơn giá xây dựng công trình; đơn giá nhân công; giá ca máy và thiết bị thi công; chỉ số giá xây dựng; giá vật liệu xây dựng; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng được quy định tại quyết định này.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a. Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở quản lý xây dựng chuyên ngành để xác định đơn giá nhân công xây dựng làm cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b. Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan hướng dẫn phương pháp điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh trong trường hợp chế độ chính sách tiền lương của Nhà nước thay đổi;

c. Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến chế độ tiền lương của người lao động.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Báo cáo giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình hàng quý trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng cuối của quý để tổng hợp, công bố theo quy định. (Hồ sơ kèm theo báo cáo, gồm: Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách, chủng loại, nguồn gốc, vị trí cung ứng... của sản phẩm vật liệu xây dựng cần công bố).

3. Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị tư vấn trong công tác điều tra, khảo sát xác định đơn giá nhân công xây dựng thuộc địa bàn quản lý.

4. Cung cấp các thông tin về cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng về Sở Xây dựng.

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư

1. Quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về đơn giá nhân công xây dựng trong hồ sơ công trình cho Sở Xây dựng.

4. Thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị xây dựng

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, khảo sát giá vật liệu xây dựng, vật tư, máy, thiết bị xây dựng.

2. Chấp hành việc kê khai, đăng ký, bình ổn giá, niêm yết giá vật liệu xây dựng theo quy định của Luật Giá và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Trước ngày 15 tháng cuối của quý gửi quyết định giá bán sản phẩm (kèm theo tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm; chủng loại; vị trí cung ứng) về Sở Xây dựng để tổng hợp, công bố giá theo quy định.

4. Định kỳ 6 tháng/lần gửi báo cáo tình hình sản xuất vật liệu xây dựng (khối lượng kế hoạch, khối lượng thực tế và các lần thay đổi giá bán sản phẩm) về Sở Xây dựng và UBND cấp huyện trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

Điều 18. Xử lý chuyển tiếp

Xử lý chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác liên quan đến xác định và quản lý chi phí chưa được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc các sở, ngành, các chủ đầu tư, nhà thầu có trách nhiệm phản ánh về Sở Xây dựng và các sở có liên quan để xem xét giải quyết theo thẩm quyền; đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh./.